

NGUYỄN THỊ TÓ UYÊN*

CHÍNH SÁCH VỀ RUỘNG ĐẤT CHÙA THỜI LÝ, TRẦN

Tóm tắt: Ở thời kỳ Lý, Trần, một trong những yếu tố quyết định vị thế quan trọng trong xã hội và thúc đẩy sự phát triển hưng vượng của Phật giáo chính là việc các cơ sở thờ tự thường sở hữu một số lượng ruộng đất lớn, có thể lên đến hàng ngàn mẫu, được gọi là ruộng chùa hay còn gọi là ruộng Tam bảo. Nguồn gốc của ruộng đất chùa thời Lý, Trần rất đa dạng: do hoàng gia, vương thất, quý tộc cho đến dân chúng ban cấp hoặc cúng dường, hay được trích từ ruộng đất công làng xã, hoặc được hình thành từ việc các tăng, ni khai phá, canh tác. Có thể thấy, những chính sách thời Lý, Trần về đất đai, trong đó có đất chùa, đã có những giá trị nhất định và được nhà nước Việt Nam hiện nay kế thừa, phát triển. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ đề cập đến một số vấn đề của ruộng đất chùa thời Lý, Trần, đồng thời, phân tích những giá trị tư tưởng về vấn đề đất chùa đã được kế thừa nhất định với pháp luật đất đai hiện nay.

Từ khóa: Chính sách tôn giáo, chính sách đất đai Phật giáo, ruộng đất chùa, thời Lý, thời Trần

Đặt vấn đề

Thời kỳ Lý, Trần kéo dài từ năm 1009 đến 1400 dựa trên mô hình nhà nước quân chủ thân dân, cùng với đó là sự phát triển hưng thịnh của Phật giáo. Hầu hết các vị vua thời Lý, Trần đều sùng Phật, vì vậy, trong thời kỳ này, chùa được xây dựng khắp nơi, nhiều ngôi chùa tồn tại đến tận ngày nay như: chùa Diên Hựu, cụm quần thể chùa tháp Yên Tử, chùa Thầy, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Keo,... Ngoài ra, triều đình thời Lý, Trần còn xây tượng, đúc chuông, dịch kinh Phật, soạn sách Phật. Bên cạnh đó, các vị vua thời Lý, Trần còn tạo điều kiện

* Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngày nhận bài: 12/5/2024; Ngày biên tập: 30/5/2024; Duyệt đăng: 2/7/2024.

thuận lợi cho Phật giáo phát triển, nhất là về vấn đề ruộng đất nhà chùa, hay còn gọi là ruộng Tam bảo.

Về vấn đề ruộng đất thời Lý, Trần đã có một số công trình nghiên cứu như: Tác giả Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm có bài “Vài nhận xét về ruộng đất tư hữu ở Việt Nam thời Lý – Trần” [Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, 1963]; tác giả Nguyễn Duy Phương với bài viết “Ruộng đất chùa trong lịch sử phong kiến Việt Nam Thế kỷ X-XIX” [Nguyễn Duy Phương, 2014: 57]; trong cuốn *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý – Trần*, tác giả Vũ Huy Phúc có bài “Thử phân loại và xác định hình thức sở hữu ruộng đất thế kỷ X – XIV” [Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, 2022: 17-56], qua đó tác giả đã khái quát các loại hình sở hữu ruộng đất trong xã hội thời Lý, Trần. Cũng trong cuốn này, tác giả Trương Hữu Quýnh có bài “Chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất thời Lý – Trần” [Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, 2022: 57-99]. Có thể thấy, các công trình trên mới chỉ đề cập đến vấn đề ruộng đất nói chung trong thời kỳ Lý, Trần, chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề ruộng đất chùa thời Lý, Trần. Trong bài viết này, tác giả mong muốn mang lại một góc nhìn toàn diện về ruộng đất nhà chùa dưới thời Lý, Trần, cũng như những giá trị kế thừa của chính sách đất đai thời Lý, Trần trong pháp luật hiện nay.

Để hoàn thiện bài viết, tác giả sử dụng phương pháp lịch đại, phương pháp phân kỳ, phương pháp phân tích, trên cơ sở đó, mô tả tình hình chính trị, kinh tế thời Lý, Trần; Phương pháp thống kê, phân tích văn bản được sử dụng nhằm phân tích những chính sách về đất đai, trong đó có đất chùa thời Lý, Trần; Phương pháp so sánh giúp tác giả đưa ra những nhận định tương đồng giữa chính sách về đất chùa thời Lý, Trần với chính sách pháp luật đất đai hiện nay, từ đó chỉ ra những giá trị kế thừa về chính sách đất chùa với pháp luật đương đại.

1. Sơ lược về xã hội thời Lý, Trần

Tháng 10 (âm lịch), năm 1009, vua Lý Thái Tổ lên ngôi, mở đầu cho triều đại Lý với chín đời vua. Triều đại này kết thúc sau khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh vào năm 1225. Từ đây triều Trần được bắt đầu và kéo dài đến năm 1400, trải qua 13 đời vua.

Triều đại Lý, Trần là hai triều đại tồn tại lâu dài trong lịch sử phong kiến Việt Nam và phát triển trên mọi lĩnh vực: quân sự, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc... trong đó, Phật giáo được coi trọng, phát triển hưng thịnh, và trở thành đặc trưng văn hóa của thời kỳ này. Đây còn là thời kỳ hình thành và phát triển của hệ thống luật pháp, giáo dục khoa cử của các nhà nước phong kiến Việt Nam. Đồng thời, với chiến thắng vang dội của cuộc kháng chiến chống Tống (1077) và ba lần đại thắng quân Nguyên Mông (1257, 1285, 1288), lịch sử thời Lý, Trần đã ghi dấu ấn tự hào về truyền thống anh dũng chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Trong thời đại Lý, Trần, Phật giáo đóng một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội của người dân Việt Nam. Các vị vua Lý, Trần rất coi trọng Phật giáo và đã có những chính sách tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển, trong đó có vấn đề về đất đai.

Vấn đề kinh tế dưới thời Lý, Trần, theo các nhà nghiên cứu Sử học, thời kỳ này tồn tại chủ yếu các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế nhà chùa, như sau:

(1) Thành phần kinh tế công xã: Chủ yếu còn tồn tại ở thế kỷ thứ X- XI khi mà chế độ tư hữu ruộng đất phong kiến chưa xuất hiện và chưa tồn tại phổ biến trong xã hội.

(2) Thành phần kinh tế nhà nước: Chủ sở hữu trực tiếp là nhà nước mà người đứng đầu là nhà vua. Nhà nước trực tiếp tổ chức sản xuất bằng hình thức giao cho các quan chức của nhà nước trực tiếp chỉ huy việc tổ chức sản xuất hoặc trực tiếp quản lý. Toàn bộ sản phẩm thặng dư thu được đều thuộc quyền sử dụng của nhà nước trực tiếp nộp vào kho công và chỉ dùng vào những việc công.

(3) Thành phần kinh tế nhà chùa: Thành phần kinh tế có tính chất tự cung, tự cấp và hầu như sản phẩm thặng dư ở đây được chi phí vào mục đích phi kinh tế như: cúng bái, trang bị và sửa chữa chùa.

(4) Thành phần kinh tế ruộng phong: Đối tượng được phong cấp thuộc hàng ngũ quý tộc, quan chức và người có công.

(5) Thành phần kinh tế tư nhân: Bao gồm các thợ thủ công chuyên nghiệp và thương nhân.

1.1. Về tổ chức nhà nước thời Lý, Trần

Bộ máy nhà nước thời Lý từ 1009 đến 1225 được chia thành 24 lộ, dưới lộ là phủ và huyện, cuối cùng là hương giáp và thôn. Bộ máy được thiết lập từ trung ương tới địa phương và tập trung quyền lực vào tay triều đình, đứng đầu là nhà vua. Nhà vua nắm quyền hành cao nhất về tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội và tôn giáo. Theo giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam thì quan chế nhà Lý đại lược như sau: Phẩm trật các hàng quan văn, quan võ đều có chín bậc được xác định trong Hội điển. Những chức quan cao cấp nhất trong triều đình được chia ra ngạch văn và ngạch võ. Các đại thần đứng đầu ngạch văn bao gồm: Tam thái: thái sư, thái úy, thái bảo; Tam thiếu: thiếu sư, thiếu úy, thiếu bảo; dưới là các thượng thư. Các đại thần ngạch quan võ bao gồm: Thái úy, thiếu úy và một số chức vụ khác; dưới là đô thống, nguyên suý... Ngoài ra, còn có quan nắm quyền binh cao nhất trong triều gọi là tướng công hoặc phụ quốc thái úy... Ở các địa phương cũng đặt theo ngạch quan văn, quan võ [Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Duyên Thảo, Mai Văn Thắng, 2017: 110 - 111].

Dưới thời nhà Lý và cả nhà Trần sau này, tổ chức nhà nước lựa chọn quan hay lính theo nguyên tắc mà trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản Kỷ, quyển 5 chép: "...Người có quan tước con cháu được tập âm¹ mới được làm quan. Người giàu, khỏe mạnh mà không có quan tước thì sung quân đời đời làm lính". Tuy nhiên trước sự phát triển của nhà nước thì nguyên tắc này không thể giữ nguyên mãi [Dẫn theo: *Đại Việt dưới thời Trần 1225-1257*, (2020)].

Ngoài ra, nhà Lý còn thực hiện chính sách khuyến nông nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp. Nhà vua thường cải trang vi hành để xem đời sống thực tế của người dân, trên cơ sở đó đưa ra những chính sách phù hợp khách quan. Bên cạnh đó, nhà Lý còn chú trọng xây dựng quân đội, sử dụng kế sách "ngụ binh ư nông". Nhà nước không xây dựng quân đội thường trực mà xây dựng một lực lượng dân đinh. Thời nhà Lý kết thúc vào năm 1225 đã tạo được mô hình nhà nước quân chủ thân dân.

Nhà Trần từ 1225 đến 1400, bộ máy nhà nước vẫn tiếp tục duy trì mô hình nhà nước thân dân. Năm 1242, nhà Trần đã tiến hành chia lại

các đơn vị hành chính, đổi 24 lộ thời nhà Lý ra làm 12 bộ. Triều nhà Trần đặt thêm nhiều chức quan và cơ quan chuyên trách, đáp ứng yêu cầu của bộ máy hành chính, trong số đó có những cơ quan tư pháp như: Thảm hình viện, Tam ty viện do các cơ quan chuyên môn phụ trách...

Ngoài các chức quan dưới triều Lý, nhà Trần có đặt thêm một số chức vụ: Tư đồ phụ trách công việc ngoại giao văn hóa lễ nghi, do chức năng quan trọng như vậy nên Tư đồ thường kiêm chức tể tướng; Tư mã phụ trách quốc phòng, công an, tư pháp; Tư không phụ trách các vấn đề còn lại.

1.2. Về vấn đề ruộng đất

Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIV, Đại Việt có nhiều loại hình ruộng đất, tuy nhiên, căn cứ theo nguồn lịch sử các nhà nghiên cứu sử học cho rằng đất đai của thời Lý, Trần chủ yếu được chia thành những loại sau đây:

Thứ nhất là ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm:

Một là, Quan điền (quốc khố, cáo điền...): Cuốn *An Nam chí nguyên* do Cao Hùng Trưng và tác giả khuyết danh soạn vào khoảng đời nhà Thanh có nói đến ruộng quốc khố như sau: “...Đời Lý và đời Trần có hai thứ công điền chia làm ba bậc là: *Ruộng quốc khố: ruộng thượng đẳng... ruộng trung đẳng ... ruộng tam đẳng; Ruộng thác đao: ruộng thượng đẳng... ruộng trung đẳng ... ruộng tam đẳng ...*” [Cao Hùng Trưng, Khuyết danh, 2017: 105]. Như vậy, ruộng quốc khố dưới thời Lý, Trần được hiểu là loại ruộng công thuộc sở hữu nhà nước, canh tác bằng trâu cày và nông cụ của nhà nước, với lực lượng sản xuất là nô tỳ thuộc nhà nước.

Hai là, thác đao điền và các loại ruộng phong cấp: Đây là loại đất xuất phát từ một điển tích cấp ruộng thời Lý Thái Tông có nghĩa là ruộng ném đao. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thì khoảng năm 1044 – 1048, Đô thống thượng tướng quân Lê Phụng Hiểu lập chiến công lớn ở phương Nam, khi trở về định công lao Lê Phụng Hiểu đã nói: “*Tôi không thích chức tước, chỉ xin đứng trên núi Bãng Sơn, quăng con dao lớn đi xa, xem con dao rơi xuống chỗ nào trong đất công thì ban cho làm nghề nghiệp. Vua bằng lòng cho Phụng Hiểu lên núi cầm dao quăng xa đến hơn 10 dặm, dao rơi xuống hương Đa Mi, vua lấy ruộng*

ấy ban cho, tha thuế thóc cho ruộng ném dao. Vì vậy ở châu Ái thường công có tên là ném dao” [Đại Việt sử ký toàn thư, II, 1972, 13a: 202]. Theo cuốn *An Nam chí nguyên* thì ruộng thác đao là ruộng công và có mức thuế nhẹ hơn thuế ruộng quốc khố.

Ngoài ra, một số bộ phận ruộng chùa do triều đình ban, cấp.

Thứ hai là ruộng đất thuộc làng xã quản lý, bao gồm: các loại ruộng công trong làng xã (được gọi là quan điền, quan thổ) thuộc sở hữu nhà nước nhưng do làng xã quản lý. Vì vậy, trong các nguồn sử liệu địa phương, loại ruộng này được ghi là “quan điền bản xã” hay “quan điền bản thôn”. [Trương Hữu Quýnh, 2022: 71]. Ngoài ra, một số bộ phận ruộng chùa được làng xã trích từ ruộng đất công của làng xã.

Thứ ba là ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân, bao gồm:

Các loại ruộng tư được hình thành chủ yếu từ việc mua bán ruộng đất và được nhà nước thừa nhận, bảo vệ. Điền trang là ruộng đất các các vương hầu, quý tộc, tôn thất được nhà nước cho phép thành lập ở các đất hoang trong nước lần đầu tiên kể từ năm 1266, không hạn chế về diện tích, lực lượng sản xuất trong điền trang là tư nô của các chủ điền trang. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép: “tháng 10 năm Bính Dần (1226): Xuống chiếu cho các vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần, chiêu tập những người xiêu tán không sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng hoang lập làm điền trang, vương hầu có trang thực bắt đầu từ đây” [Khâm định Việt sử thông giám cương mục, V, 1998: 38]

Một bộ phận ruộng chùa được các cá nhân cúng tiền hoặc có thể do tăng, ni khai hoang lập nên.

Có thể thấy, ruộng đất chùa xuất hiện cả ở ba loại hình sở hữu, điều này chứng tỏ, dưới thời Lý, Trần, Phật giáo không chỉ đóng vai trò quan trọng trong đời sống của người dân, mà còn là bộ đỡ tinh thần cho triều đại Lý, Trần.

Như vậy, cấu trúc xã hội - chính trị thời Lý, Trần với cơ chế đẳng cấp uyển chuyển đã tác động đến chính sách đất đai trong thời kỳ này. Nền kinh tế trong thời kỳ này, cơ bản là sản xuất nông nghiệp với cấu trúc nội tại là cộng đồng làng xã và quan hệ thân tộc thì chế độ công

hữu ruộng đất chiếm ưu thế. Ngoài ra, với chính sách ban, cấp, phong thường đất đai cho những người có công, cũng như sự cho phép mua bán ruộng đất đã dần dần hình thành hình thức sở hữu tư nhân về ruộng đất trong thời kỳ này.

2. Một số vấn đề về chính sách ruộng đất và ruộng đất chùa thời Lý, Trần

2.1. Chính sách về ruộng đất

Có thể thấy, lần đầu tiên trong lịch sử, nhà nước thời Lý, Trần đã ban hành một số quy định về chế độ sở hữu ruộng đất. Về cơ bản nhà vua vẫn là chủ thể giữ quyền sở hữu tối cao đối với toàn bộ đất đai trong nước, đây là nguyên tắc pháp lý thiêng liêng được nhà nước bảo vệ.

Dưới thời Lý, Trần, ruộng đất là đối tượng của sự mua bán và các hình thức chuyển dịch khác giữa các chủ thể. Nhà nước đã ban hành những quy định nhằm bảo vệ chế độ tư hữu ruộng đất có lợi cho địa chủ, quý tộc, quan lại, cụ thể, năm 1135 Lý Thần Tông đã ban hành lệnh: “*Những người bán ruộng, ao không được bội tiền lên mà chuộc lại, làm trái thì phải tội*” [Đại Việt sử ký toàn thư, I, 1972: 271]

Để duy trì và bảo vệ chế độ tư hữu ruộng đất, các vị vua thời Lý, Trần về sau thường ban hành các quy định bổ sung về vấn đề ruộng đất nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp địa chủ. Có thể thấy, chính sách ruộng đất thời Lý, Trần được thể hiện qua các khía cạnh sau đây:

Về chế độ sở hữu: qua hệ thống các văn bản, ruộng đất nhà nước Lý, Trần bao gồm các hình thức sở hữu nhà nước, sở hữu của nhà chùa, sở hữu của quý tộc Lý, Trần, sở hữu tư nhân nhỏ của nông dân. Để bảo vệ và duy trì ổn định các hình thức sở hữu này thì nhà Lý, Trần đã ban hành nhiều văn bản quy định: “*ruộng đất đã bán thì không đòi chuộc lại, ruộng đất bán đợ hoặc cầm cố quá hạn 20 năm thì không được chuộc lại hoặc đòi về; ruộng đất bỏ hoang mà người khác cày cấy được quá một năm mà không có ai nhận thì thuộc quyền sở hữu của người cày cấy. Gia đình nào đói kém phải bán con để làm nô tỳ thì có thể chuộc lại con, những ruộng đất đã bán đứt thì không được chuộc lại (lệnh năm 1142)*” [Đại Việt sử ký toàn thư, I, 1972: 278].

Về hình thức hợp đồng: Theo quy định hợp đồng mua bán ruộng đất phải có văn khế. Theo chiếu chỉ năm 1237, năm thứ 12 đời Trần Thái Tông thì: “*Phàm làm chúc thư, văn khế nếu là giấy tờ về ruộng đất, vay mượn thì người làm chứng in tay ở ba dòng trước, người bán in tay ở bốn dòng sau*” [Đại Việt sử ký toàn thư, II, 1972: 15]. Để tránh tranh chấp thì khế ước mua bán phải làm thành hai bản giống nhau, bên bán và bên mua mỗi người giữ một bản.

Về thời gian tố tụng tranh chấp đất đai: Nếu tranh chấp ruộng đất kéo dài từ năm, mười năm thì không được phép kiện nữa. Tức là tranh chấp ruộng đất vì một lý do gì đó mà kéo dài đến năm năm hay mười năm thì đương nhiên người đang chiếm hữu ruộng đất sẽ trở thành chủ sở hữu ruộng đất đó. Ngoài ra, còn quy định rõ việc cầm đợ ruộng đất như: Ruộng đất đã từng cày cấy đem cầm đợ thì được phép chuộc về trong thời hạn 20 năm, quá thời hạn trên thì không được phép chuộc nữa và người nhận ruộng đem cầm sẽ trở thành chủ sở hữu ruộng đất đó.

Để đảm bảo đất đai được sử dụng hữu ích, các vương triều Lý, Trần còn quy định ruộng đất có chủ nếu để hoang bị người khác cày cấy thì chỉ được thừa kiện trong vòng một năm, quá thời hạn này không được thừa kiện nữa, làm trái xử 80 trượng [Đại Việt sử ký toàn thư, I, 1972: 278]. Đặc biệt, năm 1145, nhà Lý còn có quy định: “Trong khi tranh chấp ruộng đất của nhau nếu ai dựa vào quyền thế làm trái quy định của nhà nước thì bị phạt 80 trượng và bị tù khổ sai” [Đại Việt sử ký toàn thư, I, 1972: 282]

2.2. Về ruộng đất nhà chùa

Trong thời đại Lý, Trần, Phật giáo phát triển hưng thịnh và có vị thế trong xã hội, chính vì vậy, các chùa thường được sở hữu một số lượng ruộng đất có thể lên tới hàng ngàn mẫu, thường được gọi là ruộng Tam bảo.

Ruộng chùa (ruộng Tam bảo) là loại ruộng đất xuất hiện cùng với sự ra đời của các ngôi chùa Phật giáo, đây cũng là cơ sở kinh tế chính của nhà chùa. Phần lớn ruộng chùa do các tăng, ni, đạo hữu, phật tử của chùa canh tác, ở một số chùa lớn có nhiều ruộng đất thì nhà chùa cho nông dân phát canh thu tô. Hoa lợi được dùng để phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của tăng, ni và các hoạt động phật sự của chùa.

Ruộng đất chùa thời Lý, Trần có những đặc trưng cơ bản sau đây:

Một là, về nguồn gốc, dựa vào các tài liệu đã có thì ruộng đất chùa thời Lý, Trần được hình thành từ những nguồn đất sau:

(1) Ruộng đất chùa do nhà vua cấp và thuộc sở hữu của nhà nước: Theo sách *Tam tổ thực lục*, năm 1310, Trần Anh Tông cấp 80 mẫu ruộng hương An định kê cả canh phu cho sư Pháp Loa để nuôi các tăng nhân; sau bốn, năm năm phải trả lại. Như vậy, với loại ruộng đất này chùa chỉ là chủ thể chiếm hữu và sử dụng, còn quyền sở hữu vẫn thuộc về nhà nước mà đứng đầu là nhà vua. Đây là một hình thức phong cấp không vĩnh viễn ở thời kỳ Lý, Trần.

(2) Ruộng chùa hình thành do được trích từ ruộng công của làng xã: Về cơ bản đất ruộng chùa này vẫn thuộc sở hữu của làng, còn chùa chỉ là chủ thể chiếm hữu và sử dụng hoa lợi mà thôi. Ví dụ, đầm và chùa Hương Nghiêm hiện nay ở xã Phú Lý, Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa do ba giáp trong làng sở tại quản nhận và canh tác, thu lợi theo lệ của các giáp đồng thời đóng góp hoa lợi cho nhà chùa. Điều này được thể hiện tại bia văn của chùa có ghi: “*mùa thu năm 1081, Lý Thường-Kiệt cho trùng tu lại chùa bằng cách mua ruộng đất, lập bia đá chia ruộng cho hai giáp. Từ nửa đầm A-lôi trở lên, cho giáp Bôi-lý; từ nửa đầm trở xuống, cho giáp Viên-đàm. Ông lại dặn đi dặn lại hai giáp không được hái một lá lau-lách ở hai bên bờ đầm, vì đó là giới-hạn*” [Hoàng Xuân Hãn, 1949: 112].

(3) Ruộng đất chùa thuộc sở hữu tư của chùa: Ruộng đất này chủ yếu được hình thành từ việc các tăng, ni khai phá, canh tác (Ví dụ, chùa Sùng Nghiêm ở núi Vân Lỗi, Nga Sơn, Thanh Hóa ngày nay; chùa Sùng Thiên ở huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương hiện nay được thể hiện qua bia do hòa thượng Huệ Văn viết cho biết chùa được xây dựng trên khu đất vô chủ) hoặc cá nhân cúng cho nhà chùa có khi lên tới hàng ngàn mẫu cùng với nông nô để làm của tư vĩnh viễn cho chùa, những người cúng tiến này thường là tầng lớp quan lại, quý tộc.

Trong bia chùa Báo Ân (nay thuộc phường Trưng Nhị, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) dựng năm 1209, thời Lý Cao Tông, có đoạn chép số ruộng của chùa như sau: “*Phan thượng 30 mẫu, Phan hạ 30 mẫu... Đồng Trụ 8 mẫu, Đường Sơn 5 mẫu, Đồng Nhe 3 mẫu, các nơi*

đó cộng 126 mẫu ... số ruộng đó là do Nguyễn Công bỏ hơn một nghìn quan tiền mua được hơn một trăm mẫu để cúng vào chùa ... [Hà Văn Tấn và đồng tác giả, 1963: 21].

Trong các bia văn thời Lý, Trần ở các chùa thường có ghi số ruộng đất cúng vào chùa của các thí chủ. Ví dụ như bài minh trên chuông chùa Vân Bản – Đồ Sơn, Hải Phòng (hiện trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử quốc gia) có đoạn *“Thị vệ nhân dưng thủ là Nguyễn Nghệ và vợ là Chu Thị Trãi hai người cúng một số đất vườn Ông Hà, đông cận ruộng Hương Trản, tây cận Nguyễn Thăng. Hộ xá Chu Lâm cùng e gái là Chu Thị Trãi, hai người cúng một thửa ruộng Hương Trản đông cận Nguyễn Khả Lỗi, tây cận đất Hương Trản”* [Lâm Giang và các đồng tác giả, 2007: 305]. Khi các cá nhân cúng ruộng đất vào chùa thì thường thề đọc nếu về sau có ai *“lấy ruộng tam bảo làm của tư thì xin hoàng thiên và 18 vị long thần tru diệt”* [Lâm Giang và các đồng tác giả, 2007: 305]. Như vậy, ruộng đất đã cúng cho nhà chùa thì thuộc sở hữu của nhà chùa và nhà chùa có toàn quyền quyết định số ruộng đất này.

Hai là, về chủ thể sở hữu và sử dụng ruộng đất chùa

Từ những phân tích trên có thể thấy, ruộng đất chùa có ba loại sở hữu: ruộng đất chùa thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu cộng đồng và sở hữu tư nhân của nhà chùa. Đối với ruộng đất chùa thuộc sở hữu nhà nước và sở hữu cộng đồng thì nhà chùa chỉ có quyền sử dụng, không được phép bán, còn ruộng đất thuộc sở hữu nhà chùa thì nhà chùa có quyền bán để tu sửa chùa, như ở bia chùa Sùng Thiên (huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương) có ghi: *“Đỗ Thị Tĩnh thí ruộng ở đồng Đa Lý một thửa hòa thượng đã bán đoạn để lấy tiền dựng chùa lớn”* [Lâm Giang và các đồng tác giả, 2007: 225].

Đối với ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân của nhà chùa, chủ thể sở hữu và sử dụng chính là nhà chùa. Nhà chùa ở đây được hiểu là tập thể các tăng, ni. Sự trụ trì chỉ là đại diện cho chùa tham gia vào các quan hệ xã hội. Theo giáo lý Phật giáo, những người tu hành không có tài sản riêng nên ruộng đất chùa không thuộc sở hữu của một cá nhân tăng, ni nào mà thuộc về một tập thể những tăng, ni thuộc chùa đó, tô thuế hay hoa lợi thu được là thuộc về cả tập thể này. Xét về mặt thực

tế, quyền sở hữu của tập thể này không bền chặt, đồng thời, do tính chất của đạo Phật mà các tăng, ni không thể làm gì được khi ruộng đất chùa bị lấn chiếm hay bị đòi lại. Chính vì vậy, để đảm bảo lợi ích cho nhà chùa, các thí chủ khi cúng ruộng đất thường thề độc và triều đình của thời Lý, Trần cũng bảo vệ quyền sở hữu này, ví dụ như: “*Nếu trong nô chúng kẻ coi việc thờ phụng hương hỏa không chuyên cần và xâm phạm ruộng đất tam bảo thì nô chúng cùng làm đơn tố cáo để triều đình luận tội. Nếu có người anh em nào đó cậy thế chiếm đoạt ruộng tam bảo và quấy rối, sai khiến hương hỏa nô thì nô chúng cũng làm đơn tố cáo với triều đình để luận tội*” [Hà Văn Tấn và đồng tác giả, 1963: 29]. Qua đây có thể thấy, ruộng đất nhà chùa được triều đình bảo hộ, ai xâm phạm sẽ bị luận tội.

Ba là, về phương thức sử dụng ruộng đất chùa

Phương thức sử dụng ruộng đất chùa chủ yếu là cho phát canh thu tô đối với điền nô hay nông nô. *Đại Việt sử ký toàn thư* có viết vào đầu thời Lý năm 1088 “*đình chùa trong nước làm ba hạng đại, trung và tiểu danh lam, cho quan văn chức trọng kiêm làm đề cử là vì bây giờ chùa có điền nô và khó vật*” [*Đại Việt sử ký toàn thư*, I, 1972: 241].

Tuy nhiên, tùy từng loại ruộng đất chùa mà các phương thức sử dụng khác nhau, cụ thể: Nếu đất chùa thuộc sở hữu nhà nước thì người điền nô không phải người của nhà chùa, họ chỉ canh tác trên ruộng đất của nhà chùa và nộp hoa lợi cho nhà chùa, về cơ bản những người điền nô này vẫn thuộc người của triều đình cùng với số ruộng đã được cấp vì khi cấp ruộng đất cho nhà chùa thì triều đình thường cấp luôn phu hầu, Lý Thường Kiệt ghi: “*chùa thì do vua quan hay dân làng dựng lên, những chỗ danh lam thì chắc thuộc nhà vua cấp tiền của, ruộng đất, phu hầu*” [Hoàng Xuân Hãn, 1949: 400]. Theo *Tam tổ thực lục*, năm 1310 Trần Anh Tông “*ban cho sư Pháp Loa 80 mẫu ruộng ở hương An Định cùng canh phu*” [*Tam Tổ thực lục*, 5a].

Nếu đất ruộng chùa hình thành từ ruộng công của làng xã và thuộc sở hữu công cộng làng xã thì nông dân tự do trong giáp hay trong làng cày cấy trên ruộng được giáp hay làng giao cho rồi nộp một số hoa lợi để chi dùng cho nhà chùa. Nhà chùa không hề có mối liên hệ với nông dân cày cấy trên ruộng đất chùa, mà chỉ có quan hệ với giáp hay làng.

Nếu ruộng đất thuộc sở hữu tư của chùa thì người trực tiếp cày cấy về hình thức là nô tỳ vì khi cúng ruộng đất tư vào chùa thì các chủ đất thường cúng luôn các nô tỳ để canh tác. Ví dụ như: “*năm 1324 Văn huệ vương Trần Quang Thiệu đã lấy 300 mẫu ruộng Gia Lâm và ruộng đất trang Động Gia, trang An Lưu tất cả hơn nghìn mẫu và hơn nghìn nô cấp cho chùa Quỳnh Lâm*” [Đại Việt sử ký toàn thư, I, 1972, 17b].

Từ những phân tích trên chúng ta có thể thấy rằng, ruộng đất chùa thời Lý, Trần được hình thành từ nhiều nguồn gốc và được triều đại Lý, Trần bảo hộ tạo điều kiện phát triển. Ruộng đất chùa thời Lý, Trần rất đa dạng về quyền sở hữu cũng như các quan hệ sản xuất, điều này chính là do sự phát triển hưng thịnh của Phật giáo trong thời kỳ này. Chính nhờ ruộng đất chùa mà Phật giáo Việt Nam được duy trì lâu dài và tồn tại vững chắc ở làng xã dù trải qua bao biến cố thăng trầm của chính trị và tôn giáo. Ruộng đất chùa thời Lý, Trần được hình thành từ nhiều nguồn gốc: triều đình ban, làng xã và các tầng lớp quý tộc, quan lại cúng, vì vậy mà “*ruộng đất của chùa có thể không ở trong khuôn viên chùa hoặc gần chùa mà ở nhiều khu vực rất xa chùa, chẳng hạn trường hợp chùa Đọi (Thanh Liêm – Hà Nam Ninh) được Linh Nhân Thái hậu cúng một khu liền 72 mẫu ở xứ Mãn Đế thuộc 2 xã Cẩm Trục và Thực Lăng huyện Cẩm Giàng (Cẩm Bình – Hải Hưng). Ta thấy chùa thì ở Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh mà ruộng thì ở Cẩm Bình, tỉnh Hải Phòng. Như vậy, một chùa có thể có nhiều ruộng và ruộng có thể ở nhiều nơi. Nhìn về mặt phân bố ruộng đất của các chùa lớn như Quỳnh Lâm, Phật Tịnh, Thần Quang... cho thấy một thực tế là ruộng đất của các chùa trong thời kì này thường không tập trung thành những khu vực rộng lớn mà bị chia nhỏ thành nhiều khu vực khác nhau, điều này chắc chắn sẽ gây không ít khó khăn trong việc quản lý và canh tác bộ phận ruộng đất này*” [Nguyễn Duy Phương, 2014: 57 - 60].

Ở thời Lý, Trần, nhà nước chủ trương không thu thuế đối với ruộng đất chùa, không quy định mỗi chùa được sở hữu bao nhiêu ruộng đất, đồng thời, mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại sở hữu tư nhân của nhà chùa đối với ruộng đất và tạo điều kiện cho hình thức sở hữu này phát triển. Điều này thể hiện ở việc trong suốt thời kỳ này, không có bất kỳ một sắc lệnh nào về việc chuyển đổi hay thu hồi ruộng đất nhà chùa. Ngoài

ra, có thể thấy ở thời Lý, Trần, các tầng lớp nhân dân, nhất là tầng lớp quan lại, quý tộc đều không tiếc của khi cúng tiền, ruộng vào chùa. Đây cũng là một hiện tượng phổ biến ở thời Lý, Trần mà chúng ta ít thấy phát triển ở thế kỷ sau này.

Chính những yếu tố trên đã tạo điều kiện cho ruộng đất chùa trở thành một bộ phận đáng kể của kinh tế làng xã và nhà nước, trở thành nền tảng quan trọng để Phật giáo tồn tại và phát triển lâu dài trong lịch sử Việt Nam. Nhờ những chính sách về đất đai, trong đó có đất chùa, mà nhiều ngôi chùa của thời Lý, Trần đã đứng vững và trường tồn đến ngày nay, đồng thời trở thành nét văn hóa đặc trưng của chùa Việt.

3. Kế thừa chính sách ruộng đất chùa thời Lý, Trần trong Luật Đất đai 2024 hiện nay

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống. Chính vì vậy, chính sách về đất đai (trong đó có đất chùa) luôn đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Trong thời Lý, Trần chính nhờ những chính sách về ruộng đất chùa mà nhiều ngôi chùa đã được bảo tồn đến tận ngày nay.

Tuy nhiên, việc sử dụng đất chùa hiện nay phát sinh nhiều khó khăn trong việc xác định nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng. Có thể thấy, nguồn gốc đất của các chùa khá phức tạp, thay đổi qua nhiều thời kỳ, nhiều người quản lý chùa khác nhau. Quá trình sử dụng ruộng đất chùa không có hoặc bị mất giấy tờ, bị lấn chiếm hoặc mở rộng thêm, nhất là những chùa cổ tồn tại lâu đời (trong đó có chùa thời Lý, Trần), chính vì vậy, việc xác định ranh giới sử dụng đất trở nên khó khăn. Từ những thực trạng đó, *Luật Đất đai 2013* và mới đây nhất là *Luật Đất đai 2024* đã có những quy định riêng về vấn đề đất của tổ chức tôn giáo (trong đó có đất chùa). Có thể thấy, các quy định này đã kế thừa tư tưởng về chính sách đất chùa thời Lý, Trần, cụ thể:

(1) Đất chùa là đất của cơ sở tôn giáo trực thuộc và được nhà nước ta bảo hộ, đồng thời đất chùa hiện nay được nhà nước cấp và không thu tiền sử dụng đất được quy định tại khoản 2, Điều 213, Luật Đất đai 2024. Đây chính là sự kế thừa tư tưởng thời Lý, Trần đó là không thu thuế ruộng đất chùa và không quy định mỗi chùa được sở hữu bao nhiêu diện tích đất.

(2) Có thể thấy một điểm tiến bộ trong Luật Đất đai 2024 đó chính là tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (trong đó có chùa) ngoài đất được nhà nước cấp không thu thuế dùng để xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và công trình tôn giáo hợp pháp khác thì còn được nhà nước cho thuê đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, kinh doanh, thương mại (khoản 3, Điều 213, Luật Đất đai 2024). Với quy định này nhà nước ta đã nhìn nhận tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như là một chủ thể của nền kinh tế, tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển nền kinh tế nước nhà. Đây cũng chính là tư tưởng thời Lý, Trần coi nhà chùa là một chủ thể kinh tế (kinh tế nhà chùa), góp phần phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, những giá trị tư tưởng của chính sách đất đai nói chung và chính sách đất chùa nói riêng của thời kỳ Lý, Trần đã được nhà nước ta kế thừa và phát triển thành những quy định cụ thể trong Luật Đất Đai 2024. Chính nhờ những chính sách này, những ngôi chùa cổ được bảo tồn và phát huy được giá trị văn hóa trong thời đại ngày nay.

Kết luận

Thời kỳ Lý, Trần với thời gian từ năm 1009 đến 1400 được xây dựng trên mô hình nhà nước quân chủ thân dân, đồng thời, đây cũng là thời kỳ phát triển hưng thịnh của Phật giáo. Đa phần các vị vua thời Lý, Trần đều sùng Phật, do vậy trong thời kỳ này chùa chiền được xây dựng khắp nơi, có thể thấy nhiều ngôi chùa thời Lý, Trần còn tồn tại đến tận ngày nay như: chùa Diên Hựu, cụm quần thể chùa tháp Yên Tử,... Ở thời kỳ này, các chùa thường được sở hữu một số lượng ruộng đất lớn, dùng để sản xuất nông nghiệp, đất này thường được gọi là ruộng chùa hay ruộng tam bảo. Có thể thấy, lần đầu tiên trong lịch sử, nhà nước thời Lý, Trần đã ban hành một số quy định về chế độ sở hữu ruộng đất, trong đó có đất chùa, đồng thời, coi chùa là một thành phần kinh tế (kinh tế nhà chùa). Các triều đại Lý, Trần chủ trương không thu thuế đối với ruộng đất chùa, không quy định mỗi chùa được sở hữu bao nhiêu ruộng đất. Đồng thời, nhà nước mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại của việc tư hữu hóa ruộng đất của nhà chùa, cũng như tạo điều kiện cho nó phát triển. Với những ruộng đất được nhà vua ban, cấp

hay tự mua, nhà chùa đã góp phần vào nền kinh tế nông nghiệp, đồng thời cũng duy trì, bảo tồn những giá trị văn hóa của các ngôi chùa trên ruộng tam bảo qua mấy trăm năm, tạo nên một nét văn hóa đặc trưng của người Việt.

Những chính sách về đất đai nói chung cũng như về ruộng đất chùa nói riêng trong thời Lý, Trần là một trong những biện pháp để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của một dân tộc, giúp cho những công trình văn hóa, trong đó có các ngôi chùa, được trường tồn theo thời gian. Những giá trị tư tưởng này được nhà nước ta kế thừa và phát triển thành những quy định trong Luật Đất Đai 2024./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Có sách viết là thừa âm [Dẫn theo: Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Duyên Thảo, Mai Văn Thắng, 2017: 111].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt dưới thời Trần 1225-1257*, (2020), trên trang <https://nghiencuuquocte.org/2020/07/25/dai-viet-duoi-thoi-tran-thai-tong/> ngày đăng tải 25/7/2020, truy cập 25/6/2024.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1972), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lâm Giang, Phạm Văn Thẩm, Phạm Thị Thoa (2007), *Văn bia Lý - Trần*, Nxb. Hà Nội.
4. Hoàng Xuân Hãn (1949), *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb. Sông Nhị, Hà Nội.
5. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, V, (1998), Nxb Giáo dục Hà Nội
6. Nguyễn Duy Phương (2014), “Ruộng đất chùa trong lịch sử phong kiến Việt Nam (Thế kỷ X-XIX)”, Tạp chí *Khoa học Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, Số 10 (83).
7. *Tam tổ thực lục* (bản dịch), Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội.
8. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm (1963), “Vài nhận xét về ruộng đất tư hữu ở Việt Nam thời Lý – Trần”, Tạp chí *Nghiên cứu sử học*, số 52.
9. Cao Hùng Trung, Khuyết danh (2017), *An Nam chí nguyên*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Trương Hữu Quýnh (2022), chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất thời Lý – Trần, sách *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý – Trần*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 57-99
11. Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Duyên Thảo, Mai Văn Thắng (2017), *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Abstract**POLICY ON LAND OF BUDDHIST TEMPLES UNDER THE LY
AND TRAN DYNASTIES****Nguyen Thi To Uyen***University of Social Sciences and Humanities- VNU, Hanoi.*

One of the important forces that allowed Buddhism to gain an important position in society and prosper during the Ly and Tran dynasties was a large amount of Buddhist temples' land (up to thousands of acres) often called Tam Bao fields. Buddhist temples' fields, also known as Tam Bao fields, were the land that appeared with the birth of Buddhist temples or Buddhist worship facilities. The Buddhist temples' land in the Ly and Tran dynasties was granted by the royal family, and nobles, given by the people or donated from public land of villages and communes, or reclaimed by monks and nuns. The owners and users of Buddhist temples' land were the monks and nuns collective. The abbot was the temple's representative participating in social relations. The Buddhist temples' land was mainly rented. The Ly and Tran dynasties did not collect taxes on Buddhist temples' land, and they also did not stipulate how much land each pagoda could own. Moreover, the state implicitly recognized the privatization of Buddhist temples' land. It can be said that the land policies, including Buddhist temples' land under the Ly and Tran dynasties, had certain values and have been inherited and developed by the current Vietnamese state. This article indicates some issues of Buddhist temples' land during the Ly and Tran dynasties. Then, it shows certain inherited values in the current law.

Keywords: Buddhist temples' land; Ly-Tran dynasties.